

UBND TỈNH ĐỒNG NAI

SỞ Y TẾ

Số: 2227/QĐ-SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 27 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chuyển số lượng (lần 1) các mặt hàng trúng thầu

Gói thầu số 01: Thuốc Generic

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/07/2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01: Thuốc Generic thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc, dược liệu và các vị thuốc cổ truyền sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2020;

Xét đề nghị của các đơn vị về việc điều chuyển số lượng các mặt hàng trúng thầu của gói thầu số 01: Thuốc Generic thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc, dược liệu và các vị thuốc cổ truyền sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2020;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Mua thuốc tập trung tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

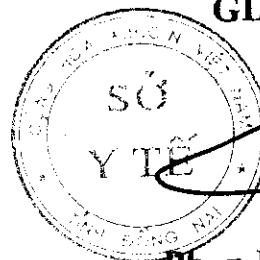
Điều 1. Điều chuyển (lần 1) số lượng 129 mặt hàng trúng thầu gói thầu số 01: Thuốc Generic (Đính kèm phụ lục các mặt hàng, số lượng trước điều chuyển và sau điều chuyển của các đơn vị).

Điều 2. Các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh (gọi chung là các đơn vị); các nhà thầu có mặt hàng trúng thầu được điều chuyển (lần 1) tại Điều 1 căn cứ vào Quyết định này để thương thảo, hoàn thiện hợp đồng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Các đơn vị và các nhà thầu có tên tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Website SYT (đăng tải);
- BHXH tỉnh (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: VT, BMT.



GIÁM ĐỐC ↙

Phan Huy Anh Vũ

PHỤ LỤC
DANH MỤC MẶT HÀNG TRÚNG THẦU ĐIỀU CHUYỂN (LẦN 1)
GÓI THẦU SỐ 01: THUỐC GENERIC

(Đính kèm Quyết định số 2227/QĐ-SYT ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai)

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

STT	STT trong Danh mục trúng g	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển		
															Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển
1	28	TP06 6201	Aluminium phosphate 20% gel	12,38g/ gói 20g	Uống ; Hỗn dịch uống	Phosphalu gel	VN-16964-13	Pharmatis	Pháp	Hộp 26 gói x 20g	Gói	3751	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															120.000	3.000	117.000	0	3.000	3.000
2	245	TPA0 71001	Lactulose	10g/15 ml	Uống ; Dung dịch uống	Duphalac	VN-20896-18	Abbott Biologicals B.V	Hà Lan	Hộp 20 gói x 15ml	Gói	2728	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															3.000	1.000	2.000	0	1.000	1.000
3	272	TPA0 51301	Losartan kali + hydrochloro thiazid	50mg + 12,5mg	Uống ; Viên nén bao phim	Cyplosart plus 50/12,5 FC tablets	VN-18515-14	Remedica Ltd	Cyprus	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	3800	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															54.000	5.000	49.000	0	5.000	5.000
4	499	TP06 8502	Acetyl leucin	500mg	Uống ; Viên nén	Stadleucin	VD-27543-17	Chi nhánh công ty TNHH Liên doanh Stada-Việt Nam	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	2200	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															15.000	2.000	13.000	0	2.000	2.000
5	514	T2.16 0.190	Albendazol	400mg	Nhai ; Viên nén nhai	Incepban 400 Chewable Tablet	VN-17916-14	Incepta Pharmaceuticals Ltd.	Bangladesh	Hộp lớn chứa 25 hộp nhỏ x 01 vỉ x 02 viên	Viên	3950	CÔNG TY TNHH NACOPHARM MIỀN NAM	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															3.000	500	2.500	0	500	500

STT trong Danh mục trún g	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển			Ghi chú
														Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	
533	T2.16 9.154	Amoxicilin + Acid clavulanic	250mg + 31,25mg	Uống ; Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Imefed 250mg/31.25mg	VD-31714-19	Chi nhánh Công ty CP Imexpharm	Việt Nam	Hộp 1 túi x 12 gói 1g	Gói	7500	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐẠI TRƯỜNG SƠN	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														15.000	10.000	5.000	0	10.000	10.000	
663	T2.51 6.286 0	Enalapril + hydrochlorothiazid	10mg + 25mg	Uống ; Viên nén	Ebitac 25	VN-17349-13	Farmak JSC	Ukraine	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Viên	4050	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠI PHÁT	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														112.500	3.000	109.500	0	3.000	3.000	
816	TP02 1202	Metronidazol	250mg	Uống ; viên nén	Metronidazol 250	VD-22036-14	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	10 vỉ x 10 viên	viên	252	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														90.000	10.000	80.000	3.000	10.000	13.000	
876	TP05 2001	Perindopril	4mg	Uống ; viên nén	Coperil 4	VD-22039-14	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	H/30 viên	viên	1250	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														30.000	5.000	25.000	0	5.000	5.000	
976	TP04 8101	Trimetazidine dihydroclorid	20mg	Uống ; Viên nén bao phim	SaVi Trimetazidine 20	VD-19002-13	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	398	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														60.000	20.000	40.000	3.000	20.000	23.000	

STT	STT trong Danh mục thuốc	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển		
															Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển
11	1010	TV053801	Acid Acetyl salicylic	81mg	Uống ; Viên nén bao phim tan trong ruột	Aspirin 81	VD-29659-18	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	H/20 vỉ x 10 viên	Viên	72	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															90.000	8.000	82.000	0	8.000	8.000
12	1013	TV026001	Aciclovir	200mg	Uống ; Viên nén	Agiclovir 200	VD-25603-16	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	H/2 vỉ x 10 viên	Viên	340	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															18.000	6.000	12.000	1.500	6.000	7.500
13	1040	TV007801	Alimemazin	5mg	Uống ; Viên nén bao phim	Thenadin	VD-23453-15	Donaipharm	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 25 viên	Viên	69	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐÔNG NAI	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															24.126	15.000	9.126	0	15.000	15.000
14	1045	TV006704	Alpha chymotrypsin	8400IU	Uống ; Viên nén	Katrypsin fort	VD-20759-14	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	294	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															300.000	18.000	282.000	15.000	18.000	33.000
15	1047	TV069301	Alverin citrat	40mg	Uống ; Viên nén	Alverin	VD-29221-18	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 50 vỉ x 15 viên	Viên	100	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															450.000	40.000	410.000	7.500	40.000	47.500

STT trong Danh mục trún g	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển			Gh i chú
														Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	
1051	TV09 8805	Ambroxol	15mg/5 ml; 5ml	Uống ; Dung dịch uống	Droply	VD- 22147- 15	Công ty Cổ Phần Dược Pharm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 20 ống x 5 ml	Ông	3145	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARM META	2079/Q Đ-SYT ngày 28/11/2 019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														45.000	5.000	40.000	0	5.000	5.000	
1061	TV01 5402	Amoxicilin	250mg	Uống ; Thuốc Bột pha hỗn dịch uống	Hagimox 250	VD- 24013- 15	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	H/24 gói	gói	530	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	2079/Q Đ-SYT ngày 28/11/2 019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														7.500	5.000	2.500	0	5.000	5.000	
1062	TV01 5401	Amoxicilin	250mg	Uống ; Viên	AMOXYC ILIN 250mg	VD- 20471- 14	Vidipha	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	315	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA	2079/Q Đ-SYT ngày 28/11/2 019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														12.000	7.000	5.000	0	7.000	7.000	
1063	TV01 5403	Amoxicilin	500mg	Uống ; Viên nang cứng	Amoxicilin 500mg	VD- 24941- 16	Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Thanh Hóa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	468	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ THANH HÒA (THEPHACO)	2079/Q Đ-SYT ngày 28/11/2 019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														30.000	10.000	20.000	0	10.000	10.000	
1065	T3.16 9.236	Amoxicilin + acid clavulanic	250mg + 31,25m g	Uống ; Viên nén phân tán	Vigentin 250/31,25 DT	VD- 17968- 12	Công ty cổ phần dược pharm trung ương I - Pharbaco	Việt Nam	Hộp 2 vi x 7 viên	Viên	7700	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHARM TỰ ĐỨC	2079/Q Đ-SYT ngày 28/11/2 019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														15.000	7.000	8.000	1.500	7.000	8.500	
1067	TV01 5504	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrat compact); Acid	500mg +125m g	Uống ; Viên nén bao phim	Ofmantine- Domescos 625mg	VD- 22308- 15	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	Hộp 2 vi x 7 viên (vi nhôm- nhôm); Hộp 2	Viên	1715	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	2079/Q Đ-SYT ngày 28/11/2 019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														150.000	50.000	100.000	7.500	50.000	57.500	

STT	STT trong Danh mục trúng g	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển		
															Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển
22	1084	TV00 0102	Atropin sulfat	0,25mg /1ml	Tiêm ; Dung dịch tiêm	Atropin Sulfat	VD-24897-16	Công ty cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 100 ống	Ống	476	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															7.500	200	7.300	0	200	200
23	1085	TV06 6302	Attapulgit mormoiron hoạt hóa + hỗn hợp magnesi carbonat-nhôm hydroxyd	2,5g + 0,3g + 0,2g	Uống ; Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Mezapulgit	VD-19362-13	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 30 gói x 3,3g	Gói	1780	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂY ÂU	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															9.000	3.000	6.000	3.000	3.000	6.000
24	1091	TV07 1801	Bột chứa vi khuẩn Bacillus subtilis	1.000.000 - 10.000.000 cfu	Uống ; Viên nang	Subtyl	VD-16345-12	Công ty Cổ Phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar	Việt Nam	Hộp 2vi x 10 viên	Viên	500	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															90.000	40.000	50.000	7.500	40.000	47.500
25	1102	TV07 2001	Berberin (hydroclorid)	100mg	Uống ; Viên nang cứng	Berberin	VD-19319-13	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 20 vi x 10 viên	Viên	399	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															13.140	10.000	3.140	0	10.000	10.000
26	1107	TV07 0401	Bisacodyl	5mg	Uống ; viên nén bao phim tan trong ruột	Bisacodyl DHG	VD-21129-14	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	H/100 viên	viên	250	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															1.500	500	1.000	0	500	500
27	1112	TV04 9301	Bisoprolol	2,5mg	Uống ; Viên nén tròn bao phim	Corneil-2,5	VD-20358-13	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp/6 vi x 10 viên	Viên	190	CÔNG TY TNHH MTV SAN TA VIỆT NAM	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															7.500	3.000	4.500	4.500	3.000	7.500

STT trong Danh mục trún g	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển			Ghi chú
														Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	
1120	TV09 8903	Bromhexin hydroclorid	8mg	Uống ; Viên nén màu vàng	BROMHEXIN 8	VD-22563-15	Công ty Cổ phần Dược Vacopharm	Việt Nam	Chai 500 viên	Viên	33	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														120.000	20.000	100.000	0	20.000	20.000	
1156	TV04 9601	Captopril	25mg	Uống ; Viên nén	Captopril	VD-17928-12	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	102	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														150.000	40.000	110.000	7.500	40.000	47.500	
1177	TV01 6203	Cefadroxil	500mg	Uống ; Viên nang cứng	Cefadroxil 500mg	VD-23712-15	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	768	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV PHARM	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														90.000	50.000	40.000	7.500	50.000	57.500	
1179	TV01 6303	Cephalexin	250mg	Uống ; viên nang cứng	Hapexin 250 Caps	VD-26599-17	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	ch/100 viên	viên	435	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														9.000	3.000	6.000	0	3.000	3.000	
1211	TV00 8001	Cinarizine	25mg	Uống ; Viên nén	Vinphastu	VD-28151-17	Công ty cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 8 vỉ x 25 viên, 50 vỉ x 25 viên	Viên	45	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														300.000	50.000	250.000	10.500	50.000	60.500	
1213	TV02 2701	Ciprofloxacin	15mg/5ml; 5ml	Nhỏ mắt ; Thuốc nhỏ mắt, nhỏ tai	Ciprofloxacin 0,3%	VD-19322-13	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 1 lọ x 5ml	Lọ	2020	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														750	300	450	0	300	300	
1241	TV09 9201	Codein + terpin hydrat	10mg + 100mg	Uống ; Viên nén	Terpin Codein 10	VD-6745-09	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Cửu Long	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	313	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														135.000	50.000	85.000	7.500	50.000	57.500	

STT	STT trong Danh mục trúng g	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển		
															Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển
35	1243	TV006101	Colchicin	1mg	Uống ; Viên nén	Colchicine Arth 1mg	VD-24087-16	Donaipharm	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Viên	252	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															10.500	3.000	7.500	1.500	3.000	4.500
36	1269	TV099301	Dextromethorphan HBr	15mg	Uống ; Viên nén	DEXTRO METHOR PHAN 15	VD-25851-16	Công ty Cổ phần Dược Vacopharm	Việt Nam	Hộp 50 vỉ x 20 viên	Viên	119	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															30.000	10.000	20.000	0	10.000	10.000
37	1277	TV003004	Diclofenac	50mg	Uống ; Viên nén bao tan trong ruột	Diclofenac 50mg	VD-23060-15	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	92	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOÀNG NGUYỄN	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															135.000	30.000	105.000	0	30.000	30.000
38	1287	TV072201	Diosmectit	3g	Uống ; Thuốc cầm	VACOMETA	VD-32092-19	Công ty Cổ phần Dược Vacopharm	Việt Nam	Hộp 50 gói x 3,7g	Gói	728	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															105.000	20.000	85.000	7.500	20.000	27.500
39	1294	TV068801	Domperidon	10mg	Uống ; Viên nén	DOMPERIDON 10	VD-26351-17	Công ty Cổ phần Dược Vacopharm	Việt Nam	Hộp 50 vỉ x 30 viên	Viên	53	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															75.000	13.000	62.000	7.500	13.000	20.500
40	1295	TV068802	Domperidon	1mg/1 ml	Uống ; Hỗn dịch	Agimoti	VD-17880-12	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	H/1 chai 30ml	Chai	6090	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															1.800	700	1.100	0	700	700

STT trong Danh mục trúng g	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển			Ghi chú
														Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	
1297	TV06 5502	Đồng Sulfat	0,1g; 50g	Dùng ngoài ; Dung dịch dùng ngoài	Gynocare	VS-4924-16	Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Trung ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	Hộp 1 tuýp 50g	Tuýp	30000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HIỆP BÁCH NIÊN	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														1.500	500	1.000	0	500	500	
1307	TV06 9703	Drotaverin clohydrat	80mg	Uống ; Viên nén	Dromasm fort	VD-25169-16	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	588	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														20.502	2.000	18.502	4.500	2.000	6.500	
1321	TV05 0102	Enalapril	5mg	Uống ; Viên nén	Enalapril	VD-17464-12	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	75	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														27.000	20.000	7.000	0	20.000	20.000	
1322	T3.51 6.1	Enalapril + hydrochloro thiazid	20mg + 12,5mg	Uống ; Viên nén	Apitec 20-H	VD-30912-18	Công ty CP Dược Apimed	Việt Nam	Hộp 2 vi x 10 viên	Viên	3150	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PHẠM ANH	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														63.000	3.000	60.000	0	3.000	3.000	
1328	TV00 8601	Adrenalin	1mg/1 ml	Tiêm ; Dung dịch tiêm	Adrenalin	VD-27151-17	Công ty cổ phần Dược phẩm Vinh Phúc	Việt Nam	Hộp 5 vi x 10 ống	Ống	1701	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														12.000	400	11.600	75	400	475	
1338	TV06 7801	Esomeprazole	20mg	Uống ; Viên nang	Esolona 20mg	VD-18558-13	Cty CP Dược Trung Ương 3	Việt Nam	Hộp 10 vi * 10 viên	Viên	315	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NGÂN LỘC	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														90.000	10.000	80.000	3.000	10.000	13.000	

STT	STT trong Danh mục trún g	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển		
															Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển
47	1366	TV03 3602	Flunarizin	5 mg	Uống ; Viên nang cứng	Dofluzol 5mg	VD-26460-17	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	Hộp 10vi x 10 viên	Viên	245	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															30.000	5.000	25.000	0	5.000	5.000
48	1367	TV07 6901	Fluocinolon acetonid	0,025% ; 10g	Dùng ngoài ; Thuốc mỡ bôi da	Fluocinolone	VD-26392-17	Công ty cổ phần LD dược phẩm Medipharco-Tenamyd BR s.r.l	Việt Nam	Hộp 1 tuýp 10 gam	Tuýp	4000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															1.500	190	1.310	300	190	490
49	1375	TV06 5901	Furosemid	20mg/2 ml	Tiêm ; Dung dịch tiêm	Furosemid	VD-22586-15	Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Thanh Hóa	Việt Nam	Hộp 10 ống x 2ml	Ống	798	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA (THEPHACO)	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															6.000	10	5.990	0	10	10
50	1376	TV06 5902	Furosemid	40mg	Uống ; Viên nén	Vinzix	VD-28154-17	Công ty cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 5 vi x 50 viên, 4 vi x 50 viên Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	105	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															24.000	2.000	22.000	3.000	2.000	5.000
51	1386	TV01 9801	Gentamicin	Mỗi 5ml chứa: 15mg	Nhỏ mắt ; Dung dịch nhỏ mắt	Gentamicin 0,3%	VD-28237-17	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 1 lọ x 5ml	Lọ	2079	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															150	50	100	0	50	50

STT trong Danh mục trúng g	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển			Ghi chú
														Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	
1403	TV101567	Glucose (dưới dạng glucose monohydrat)	1,5g/5 ml	Tiêm tĩnh mạch ; Dung dịch tiêm	Glucose 30%	VD-24900-16	Công ty cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 10 vi x 5 ống	Ống	966	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														1.500	200	1.300	0	200	200	
1438	TV050601	Irbesartan	150mg	Uống ; Viên nén bao phim	Ihybes 150	VD-23489-15	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	H/3 vi x 10 viên	Viên	410	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														15.000	1.000	14.000	4.500	1.000	5.500	
1440	TVC47901	Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)	10mg	Uống ; Viên nén	Biresort 10	VD-28232-17	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 3 vi x 20 viên	Viên	186	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														30.000	2.700	27.300	0	2.700	2.700	
1456	TV072502	Kẽm gluconat	10mg Kẽm	Uống ; Viên nén phân tán	A.T Zinc	VD-24740-16	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	206	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														3.000	200	2.800	0	200	200	
1462	TV029301	Ketoconazol	0.1g/5g	Bôi ; Thuốc dùng ngoài	Ketovazol 2%	VD-18694-13	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	H/1 tuýp 5g	Tuýp	3140	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														900	400	500	0	400	400	

STT	STT trong Danh mục trúng	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển		
															Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển
57	1473	TV07 2601	Lactobacillus acidophilus	10*8 CFU	Uống ; Thuốc bột uống	LACBIOS YN®	QLSP-851-15	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 100 gói	Gói	740	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															270.000	20.000	250.000	7.500	20.000	27.500
58	1495	TV00 1202	Lidocain hydroclorid	2%; 2ml	Tiêm ; Dung dịch tiêm	Lidocain-BFS	VD-22027-14	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	H/50	Ông	385	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															45.000	1.000	44.000	750	1.000	1.750
59	1506	T3.10 9.295 9	Loratadin	5mg	Ngậm dưới lưỡi ; Viên nén	LoratadinS PM 5mg (ODT)	VD-19609-13	SPM	VN	Hộp 3 vỉ x 10 viên	viên	1000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐO THÀNH	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															27.000	15.000	12.000	0	15.000	15.000
60	1509	TV05 1202	Losartan Kali	50mg	Uống ; Viên nén bao phim	Agilosart 50	VD-17377-12	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	H/4 vỉ x 10 viên	Viên	199	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															72.000	500	71.500	7.500	500	8.000
61	1521	T3.67 2.230	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	(800,4 mg + 3058,8 3mg + 80mg)/ 10ml	uống ; hỗn dịch uống	Hamigel-S	VD-23994-15	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	Hộp 30 gói x 10ml	gói	3255	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															150.000	50.000	100.000	0	50.000	50.000
62	1538	TV01 4802	Mebendazol	500mg	Uống ; Viên nén	Mebendazol	VD-28727-18	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 1 viên	Viên	1360	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG VÀ CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM LÂM TƯỜNG PHÁT	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															750	100	650	0	100	100

STT trong Danh mục trúng g	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển			Ghi chú
														Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	
1547	TV004103	Meloxicam	7,5mg	Uống ; Viên nén	MELOXICAM 7,5	VD-30638-18	Công ty Cổ phần Dược Vacopharm	Việt Nam	Hộp 50 vỉ x 20 viên	Viên	62	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														150.000	50.000	100.000	0	50.000	50.000	
1550	TV083102	Mephenesin	500mg	Uống ; Viên nén bao phim	Detracyl 500	VD-31626-19	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Cửu Long	Việt Nam	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ * 10 viên	Viên	228	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														225.000	60.000	165.000	4.500	60.000	64.500	
1556	TV080705	Metformin	500mg	Uống ; Viên nén tác dụng kéo dài	Métforilex MR	VD-28743-18	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xi nghiệp dược phẩm 150	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	1200	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Y.A.C	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														150.000	40.000	110.000	7.500	40.000	47.500	
1557	TV080703	Metformin	850mg	Uống ; Viên nén bao phim	Gluphakaps 850mg	VD-22995-15	Công ty Cổ phần Dược phẩm Quảng Bình	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	204	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														1.000.000	50.000	1.000.000	7.500	50.000	57.500	
1563	TV077503	Methyl prednisolon	40mg	Tiêm ; Bột đông khô pha tiêm	Atisolu 40 inj	VD-26109-17	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiệu	Việt Nam	Hộp 5 lọ + 5 ống dm 1 ml	Lọ	7140	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIỀU	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														1.500	10	1.490	30	10	40	

STT	STT trong Danh mục thuốc R	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển		
															Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển
68	1565	13.74 8.151	Methyl prednisolon	8mg	Uống ; Viên nén phân tán	Ocepred	VD-32183-19	Công ty CP Hóa Dược Việt Nam	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên, hộp 5 vỉ x 10 viên	Viên	2499	LIÊN DANH CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VÀ DƯỢC PHẨM NGUYỄN PHÁT VÀ CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THIÊN MINH	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															45.000	6.000	39.000	3.000	6.000	9.000
69	1566	TV05 1401	Methyldopa	250mg	Uống ; Viên nén bao phim	Agidopa	VD-30201-18	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	H/2 vỉ x 10 viên	Viên	515	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															1.500	700	800	1.500	700	2.200
70	1567	TV06 9001	Metoclopramid	10mg	Uống ; Viên nén	Kanausin	VD-18969-13	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 02 vỉ x 20 viên	Viên	100	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															1.500	1.000	500	1.500	1.000	2.500
71	1574	TV03 0001	Metronidazol ; Neomycine ; Nystatin	500 mg + 65.000U + 100.000IU	Đặt ; Viên nén đặt phụ khoa	Agimycob	VD-29657-18	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	H/1 vỉ x 10 viên	Viên	1090	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															7.500	3.000	4.500	0	3.000	3.000
72	1577	TV09 2101	Misoprostol	200mcg	Uống ; Viên nén	Misoprostol	VD-20509-14	Công ty Cổ Phần Sinh Học Dược Phẩm Ba Đình	Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 2 viên	Viên	3420	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM META	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															1.500	500	1.000	0	500	500

STT trong Danh mục trúng	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển			Ghi chú
														Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	
1581	TV004301	Morphin	10mg/1ml	Tiêm ; Dung dịch tiêm	Morphin (Morphin hydroclorid 10mg/ml)	VD-24315-16	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha tại Bình Dương	Việt Nam	Hộp 10 ống x 1ml	Ống	4410	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														3.000	100	2.900	15	100	115	
1591	TV099801	Acetylcystein	100mg	Uống ; Thuốc cầm	Vincystin 100	VD-29229-18	Công ty cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 25 gói x 1.5g	Gói	360	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														45.000	15.000	30.000	3.000	15.000	18.000	
1593	TV099803	Acetylcystein	200mg	Uống ; Viên nang cứng	Acecyst	VD-25112-16	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	H/10 vỉ x 10 viên	Viên	180	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														90.000	30.000	60.000	15.000	30.000	45.000	
1597	TV090501	Naphazolin	0,05%; 15ml	Nhỏ mũi ; Thuốc nhỏ mũi	RHYNIXS OL	VD-21379-14	Vidipha	Việt Nam	Hộp 1 chai 15ml	Lọ	2730	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														150	50	100	750	50	800	
1603	TV065801	Natri clorid	3,9%; 1000ml	Dùng ngoài ; Dung dịch dùng ngoài	Natri Clorid 0,9%	VD-32758-19	Công ty CP Dược Apimed	Việt Nam	Hộp 1 chai 1000ml	Chai	9000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PHAM ANH	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														3.000	400	2.600	750	400	1.150	
1606	TV088301	Natri clorid	0,9%; 10ml	Nhỏ mắt ; Dung dịch nhỏ mắt, mũi	Natri clorid 0,9%	VD-22949-15	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 20 lọ 10ml	Lọ	1320	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														30.000	4.000	26.000	0	4.000	4.000	

STT	STT trong Danh mục trúng g	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển		
															Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển
79	1609	TV065802	Natri clorid	0,9%; 500ml	Dùng ngoài ; Dung dịch dùng ngoài	Nước muối sinh lý Natri clorid 0,9 %	VD-32743-19	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Chai 500ml	Chai	6405	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															3.000	400	2.600	150	400	550
80	1616	TV102201	Natri clorid + dextrose/glucose	0,9% + 5%; 500ml	Tiêm truyền ; Dung dịch tiêm truyền	Dextrose - natri	VD-20309-13	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	chai nhựa*500ml	Chai	9765	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															750	200	550	0	200	200
81	1621	TV100902	Natri clorid + Natri citrat dihydrat + Kali clorid + Glucose khan	520mg + 580mg + 300mg + 2,7g	Uống ; thuốc bột	Oresol 245	VD-22037-14	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	h/20 gói	gói	627	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															90.000	4.000	86.000	0	4.000	4.000
82	1651	TV051903	Nifedipin	20mg	Uống ; Viên nén bao phim	Fascapin-20	VD-18629-13	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	450	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SEAPHACO	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															45.000	14.000	31.000	0	14.000	14.000
83	1658	TV011902	Nor-epinephrin (Nor-adrenalin)	1mg/1ml; 1ml	Tiêm ; Dung dịch tiêm	BFS-Noradrenalin 1mg	VD-21778-14	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	H/10	Ống	28000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															750	100	650	0	100	100
84	1664	TV102805	Nước cất pha tiêm	5ml	Tiêm ; Dung môi pha tiêm	Nước Cất Tiêm	VD-24904-16	Công ty cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 50 ống	Ống	450	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															300.000	1.000	299.000	750	1.000	1.750

STT trong Danh mục trúng g	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển			Ghi chú
														Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	
1665	TV06 1901	Nước Oxy già	3%; 60ml	Dung dịch ; Dung dịch dùng ngoài	Oxy già 3%	VS-4923-16	Donaipharm	Việt Nam	Chai 60ml	Chai	1160	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐÔNG NAI	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														600	200	400	750	200	950	
1667	TV02 9702	Nystatin	25000IU	Uống ; Thuốc cầm rơ miệng	Binystar	VD-25258-16	Công ty Cổ phần Dược phẩm Quảng Bình	Việt Nam	Hộp 10 gói x 1 gam	Gói	924	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														1.800	900	900	0	900	900	
1676	TV06 7701	Omeprazol	20mg	Uống ; Viên nang tan trong ruột	Ovac - 20	VD-20187-13	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Cửu Long	Việt Nam	Hộp 10 vỉ * 10 viên	Viên	118	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														375.000	75.000	300.000	15.000	75.000	90.000	
1694	TV07 0001	Papaverin hydroclorid	40mg/2ml; 2ml	Tiêm : Dung dịch tiêm	Papaverin 2%	VD-26681-17	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 10 ống x 2ml	Ống	3300	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														1.500	200	1.300	0	200	200	
1702	TV00 4809	Paracetamol (acetaminophen)	150mg	Uống ; Thuốc bột để uống	Glotaldol 150	VD-21643-14	Công ty TNHH Dược Phẩm Glomed	Việt Nam	Hộp 20 gói x 2g	Gói	299	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GLOMED	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														75.000	15.000	60.000	0	15.000	15.000	
1707	TV00 4810	Paracetamol	250mg	Uống ; Thuốc cầm	SACENDOL 250	VD-28202-17	Công ty Cổ phần Dược Vacopharm	Việt Nam	Hộp 50 gói x 1 gam	Gói	339	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														60.000	10.000	50.000	0	10.000	10.000	

STT	STT trong Danh mục thuốc	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển		
															Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển
91	1712	TV004811	Paracetamol	325mg	Uống ; Viên nén	VADOL 325	VD-24372-16	Công ty Cổ phần Dược Vacopharm	Việt Nam	Hộp 100 vi x 10 viên	Viên	84	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															105.000	20.000	85.000	0	20.000	20.000
92	1714	TV004812	Paracetamol	500mg	Uống ; Viên nén	Paracetamol 500mg	VD-23452-15	Donaipharm	Việt Nam	Hộp 100 vi x 10 viên	Viên	98	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															300.000	150.000	150.000	30.000	150.000	180.000
93	1716	TV004806	Paracetamol	80mg	Uống ; Thuốc cầm	Agimol 80	VD-26722-17	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	H/10 gói 1g	Gói	297	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															12.750	6.000	6.750	0	6.000	6.000
94	1728	TV005004	Paracetamol + codein phosphat	500mg + 30mg	Uống ; Viên nén	Panactol Codein plus	VD-20766-14	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	587	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															195.000	10.000	185.000	4.500	10.000	14.500
95	1752	TV044802	Phytomenadion	1mg/ml	Tiêm ; Dung dịch tiêm	Vinphyton	VD-16307-12	Công ty cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 50 ống	Ống	1239	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															4.500	120	4.380	0	120	120
96	1757	TV057604	Piracetam	400mg	Uống ; Viên nang cứng	Agicetam 400	VD-26091-17	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản	Việt Nam	H/10 vi x 10 viên	Viên	180	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															75.000	30.000	45.000	15.000	30.000	45.000

STT trong Danh mục trúng g	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển			Ghi chú
														Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	
1761	TV005501	Piroxicam	20mg	Uống ; Viên nang cứng	Piroxicam	VD-31120-18	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	163	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														27.000	5.000	22.000	0	5.000	5.000	
1772	TV065607	Povidon iodin	10%; 90ml	Dùng ngoài ; Thuốc dùng ngoài	POVIDON IODIN 10%	VD-28005-17	Công ty cổ phần Dược S.Pharm	Việt Nam	Chai 90ml	Chai	7440	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂM NHẤT	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														750	250	500	0	250	250	
1785	TV077601	Prednisolone	5mg	Uống ; Viên nén	Prednisolone 5mg	VD-24887-16	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	Chai 500 viên	Viên	96	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV PHARM	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														675.000	30.000	645.000	30.000	30.000	60.000	
1793	TV009401	Promethazin hydroclorid	2%; 10g	Dùng ngoài ; Kem bôi da	Promethazin	VD-24422-16	Công ty cổ phần LD dược phẩm Medipharco-Tenamyd BR s.r.l	Việt Nam	Hộp 1 tuýp 10 gam	Tuýp	5145	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														750	300	450	0	300	300	
1816	TV102602	Ringer lactat	Ringer acetat NaCl 3g, CaCl2 0,1g, KCl 0,15g, Natri acetat trihydrat 1,9g; 500ml	Tiêm tuyền tĩnh mạch ; Dung dịch tiêm tuyền tĩnh mạch	Acetate Ringer's	VD-24018-15	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt nam	Chai nhựa LDPE 500ml	Chai	16000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														3.000	400	2.600	0	400	400	

STT	STT trong Danh mục thuốc	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển		
															Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển
102	1853	T3.44 5.214	Sắt (II) sulfat khan; Acid Folic	200mg +0,4mg	Uống ; Viên nén bao phim	Sắt Sulfat - Acid Folic	VD- 31995- 19	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	Hộp 10 vi, 20 vi x 10 viên	Viên	1500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VŨ DUY	2079/Q Đ-SYT ngày 28/11/2 019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															18.000	10.000	8.000	0	10.000	10.000
103	1872	TV07 1501	Sorbitol	5g	Uống ; Thuốc bột pha dung dịch uống	Sorbitol 5g	VD- 25582- 16	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 20 gói x 5g	Gói	390	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	2079/Q Đ-SYT ngày 28/11/2 019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															64.500	9.000	55.500	7.500	9.000	16.500
104	1874	TV02 2401	Spiramycin	1.500.0 00 IU	Uống ; Viên nén bao phim	Spiramycin 1,5 MIU	VD- 31747- 19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	1195	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	2079/Q Đ-SYT ngày 28/11/2 019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															12.750	7.000	5.750	7.500	7.000	14.500
105	1876	TV02 2402	Spiramycin	3.000.0 00 IU	Uống ; Viên nén bao phim	Spiramycin 3MIU	VD- 16398- 12	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 05 viên	Viên	2337	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	2079/Q Đ-SYT ngày 28/11/2 019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															40.500	20.000	20.500	0	20.000	20.000
106	1877	TV02 2403	Spiramycin	750.00 0 IU	Uống ; thuốc bột pha hỗn dịch uống	Rovas 0.75M	VD- 21142- 14	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	h/24 gói	gói	1155	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	2079/Q Đ-SYT ngày 28/11/2 019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															3.600	1.000	2.600	0	1.000	1.000
107	1878	TV02 2501	Spiramycin + Metronidaz ol	1.500.0 00IU + 250mg	Uống ; Viên nén	Kamydazol fort	VD- 22174- 15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	1690	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	2079/Q Đ-SYT ngày 28/11/2 019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															18.000	5.000	13.000	7.500	5.000	12.500

STT trong Danh mục trún g	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển			Gh i chú
														Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	
1880	TV06 6101	Spironolact on	25mg	Uống ; Viên nén	Domever 25mg	VD- 24987- 16	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	Hộp 2 vi, 10 vi x 10 Viên	Viên	390	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	2079/Q Đ-SYT ngày 28/11/2 019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														3.000	100	2.900	0	100	100	
1882	TV06 8403	Sucralfat	1500m g	Uống ; Hỗn dịch uống	Vagastat	VD- 23645- 15	Công ty cổ phần DP Phương Đông	Việt Nam	Hộp 30 gói x 15g	Gói	4200	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Y ĐÔNG	2079/Q Đ-SYT ngày 28/11/2 019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														3.000	3.000	0	0	3.000	3.000	
1884	TV06 8404	Sucralfat	1g; 2,6g	Uống ; Thuốc cốm pha hỗn dịch	Sucramed	VD- 20625- 14	Công ty cổ phần BV pharma	Việt Nam	Hộp 30 gói x 2,6g	Gói	4500	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MINH PHÁT	2079/Q Đ-SYT ngày 28/11/2 019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														7.500	3.000	4.500	0	3.000	3.000	
1917	TV02 0601	Tobramycin	15mg/5 ml	Nhỏ mắt ; Dung dịch nhỏ mắt	Biracin-E	VD- 23135- 15	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 1 lọ x 5ml	Lọ	2940	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	2079/Q Đ-SYT ngày 28/11/2 019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														1.500	600	900	0	600	600	
1920	TV02 0701	Tobramycin + Dexamethas on	Mỗi lọ 5ml chứa: 15mg + 5mg	Nhỏ mắt ; Thuốc nhỏ mắt	Tobidex	VD- 28242- 17	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 1 lọ x 5ml	Lọ	6720	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	2079/Q Đ-SYT ngày 28/11/2 019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														750	300	450	0	300	300	

STT	STT trong Danh mục trúng g	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển		
															Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển
113	1955	TV10 4802	Vitamin A + D3	4000IU + 400IU	Uống ; Viên nang mềm	Vitamin AD	VD-29467-18	Công ty CP Dược Phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	599	LIÊN DANH CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VÀ DƯỢC PHẨM NGUYỄN PHÁT VÀ CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THIÊN MINH	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															150.000	20.000	130.000	3.000	20.000	23.000
114	1970	TV10 5403	Pyridoxin hydroclorid	250mg	Uống ; Viên nén bao phim	Agidoxin	VD-14222-11	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	H/10 vi x 10 viên	Viên	340	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															9.000	5.000	4.000	0	5.000	5.000
115	1972	TV10 5502	Vitamin B6 + magnesi lactat	5mg + 470mg	Uống ; Viên nén bao phim	Magnesi m - B6	VD-26689-17	Donaipharm	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	128	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															450.000	80.000	370.000	15.000	80.000	95.000
116	1977	TV10 5706	Vitamin C	250mg	Uống ; Viên nang	Vitamin C 250	VD-16399-12	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 200 viên	Viên	113	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															90.000	20.000	70.000	0	20.000	20.000
117	1978	TV10 5707	Vitamin C	500mg	Uống ; Viên nang cứng	Vitamin C	VD-31749-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 200 viên	Viên	154	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															225.000	30.000	195.000	7.500	30.000	37.500
118	1981	TV10 6101	Vitamin E	400IU	Uống ; Viên nang mềm	Enpovid E400	VD-21448-14	SPM	VN	Hộp 10 vi x 10 viên	viên	450	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐO THÀNH	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															135.000	10.000	125.000	4.500	10.000	14.500

STT trong Danh mục trún g	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bao chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển			Gh i chú
														Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	
1983	TV10 6401	Vitamin PP	500mg	Uống ; Viên nén bao phim	Vitamin PP	VD- 31750- 19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 200 viên	Viên	162	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	2079/Q Đ-SYT ngày 28/11/2 019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														90.000	20.000	70.000	3.000	20.000	23.000	
1991	TT04 9101	Amlodipin	10mg	Uống ; Viên nén	Kavasdin 10	VD- 20760- 14	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	370	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠI PHÁT	2079/Q Đ-SYT ngày 28/11/2 019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														150.000	50.000	100.000	3.000	50.000	53.000	
1998	TT04 7602	Atenolol	50mg	Uống ; viên nén	TENOCA R 50	VD- 23232- 15	Pymepharco	Việt Nam	H/2 vi/15 viên	Viên	530	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	2079/Q Đ-SYT ngày 28/11/2 019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														1.500	1.000	500	0	1.000	1.000	
2008	TT01 6301	Cephalexin	500mg	Uống ; Viên nang	Firstlexin 500	VD- 15815- 11	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	2820	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HUY CUÔNG	2079/Q Đ-SYT ngày 28/11/2 019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														126.000	26.000	100.000	7.500	26.000	33.500	
2021	TT01 8406	Cefuroxim	125mg/ 4g	Uống ; Gói uống	Tacerax 125mg	VD- 24057- 15	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Việt Nam	Hộp 10 gói 1 g	Gói	1530	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	2079/Q Đ-SYT ngày 28/11/2 019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														12.000	6.000	6.000	0	6.000	6.000	
2024	TT00 7902	Cetirizin	10mg	Uống ; Viên nén bao phim	Cetirizine Stada 10mg	VD- 30834- 18	Chi nhánh công ty TNHH Liên doanh Stada-Việt Nam	Việt Nam	Hộp 5 vi x 10 viên	Viên	400	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	2079/Q Đ-SYT ngày 28/11/2 019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														165.000	20.000	145.000	7.500	20.000	27.500	
2025	TT02 2701	Ciprofloxac in	500mg	Uống ; Viên nén bao phim	Scanax 500	VD- 22676- 15	Chi nhánh công ty TNHH Liên doanh Stada-Việt Nam	Việt Nam	Hộp 5 vi x 10 viên	Viên	980	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	2079/Q Đ-SYT ngày 28/11/2 019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH			
														126.000	16.000	110.000	4.500	16.000	20.500	

STT	STT trong Danh mục trún g	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển		
															Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển
126	2041	TT08 0003	Gliclazid	80mg	Uống ; Viên nén	Glycinorm-80	VN-19676-16	Ipca Laboratories Ltd.	Ấn Độ	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	2669	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THƯƠNG MẠI TÂN TRƯỜNG SINH	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															108.000	40.000	68.000	0	40.000	40.000
127	2047	T4.43 .1	Ibuprofen	200mg	Uống ; Viên nang mềm	PAINFREE	VD-28588-17	Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Phil Inter Pharma	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	2500	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															36.000	10.000	26.000	0	10.000	10.000
128	2135	TK00 8401	Diphenhydr amin Hydroclorid	10mg/ ml; 1ml	Tiêm ; Dung dịch tiêm	Dimedrol	VD-24899-16	Công ty cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 100 ống	Ống	550	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															1.500	10	1.490	75	10	85
129	2152	TK01 9801	Gentamicin	80mg/2 ml	Tiêm ; Dung dịch tiêm	Gentamicin 80mg	VD-19094-13	Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Thanh Hóa	Việt Nam	Hộp 50 ống x 2ml	Ống	1188	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA (THEPHACO)	2079/QĐ-SYT ngày 28/11/2019	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH		
															15.000	600	14.400	0	600	600

Tổng cộng: 129 mặt hàng